

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Thành phố và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 304/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo giải trình, bổ sung số 319/BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, cơ quan thuộc Thành phố, các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố; Ủy ban nhân dân các xã thuộc Thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Thành phố thực hiện Chương trình

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026-2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả bền vững; ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số, thôn thuộc vùng miền núi, các xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách cấp xã từ 50% trở lên, các xã có hộ cận nghèo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

4. Căn cứ danh mục Kế hoạch vốn ngân sách thành phố được Thành phố phân bổ và nguồn vốn ngân sách xã, Hội đồng nhân dân xã quyết định phương án phân bổ, lồng ghép nguồn lực để đạt mục tiêu chung được giao đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia khác: thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Phương pháp tính điểm và hệ số ưu tiên phân bổ ngân sách Thành phố cho xã thực hiện Chương trình:

a) Tiêu chí tính điểm theo nhóm xã:

Xã nhóm 1: 30 điểm;

Xã nhóm 2: 50 điểm;

Phân loại nhóm xã (nhóm 1, nhóm 2) được xác định theo Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố về xác định nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Tiêu chí ưu tiên cho xã theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã năm 2026:

Xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã từ 70% trở lên: Hệ số 0,4;

Xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã từ 50% đến dưới 70%: Hệ số 0,2;

Tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã từ 50% trở lên (áp dụng để xây dựng đối tượng ưu tiên cho cả giai đoạn 2026-2030) được xác định theo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 tại Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND Thành phố;

c) Tiêu chí ưu tiên theo thôn đặc thù:

Thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là $T_{ĐBK}$): Hệ số 1

Thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là T_{DTTS}): Hệ số 1

Thôn thuộc vùng miền núi (sau đây viết tắt là T_{MN}): Hệ số 1

Số lượng thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và số lượng thôn thuộc vùng miền núi (áp dụng để xây dựng đối tượng ưu tiên cho cả giai đoạn 2026-2030) được xác định tại các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 782/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2026, số 1512/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026;

d) Tiêu chí ưu tiên theo số hộ cận nghèo:

Hộ cận nghèo: Hệ số 0,1.

Số hộ cận nghèo (áp dụng để xây dựng đối tượng ưu tiên cho cả giai đoạn 2026-2030) được xác định tại Quyết định của UBND thành phố Hà Nội số 740/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2026 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và áp dụng chuẩn quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND để thực hiện chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026.

2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách Thành phố cho từng xã:

a) Xác định tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của từng xã:

Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của xã i được xác định như sau:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Trong đó:

X_i = Mức điểm của từng xã xác định theo bộ tiêu chí này.

A_i : Điểm theo nhóm xã (đối với xã nhóm 1: 30 điểm; đối với xã nhóm 2: 50 điểm).

B_i : Tiêu chí ưu tiên cho xã theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã năm 2026.

$$B_i = H_{xi} \times Th_{xi}$$

H_{xi} : Hệ số tương ứng với tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã i ;

Th_{xi} = Tổng số thôn của xã i ;

C_i : Điểm phân bổ tiêu chí theo thôn

$$C_i = 1 \times T_{ĐBKxi} + 1 \times T_{DTTSxi} + 1 \times T_{MNxi}$$

$T_{ĐBKxi}$ = Số thôn đặc biệt khó khăn của xã i ;

T_{DTTSxi} = Số thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số của xã i ;

T_{MNxi} = Số thôn thuộc vùng miền núi của xã i;

D_i : Điểm tiêu chí ưu tiên theo số hộ cận nghèo

$$D_i = 0,1 \times SH_{CN}$$

SH_{CN} : Số hộ cận nghèo được xác định

b) Xác định tổng điểm phân bổ của thành phố:

Tổng điểm phân bổ của thành phố được xác định bằng tổng điểm phân bổ của từng xã, cụ thể như sau:

$$T_{TP} = \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó:

T_{TP} : Tổng điểm phân bổ của Thành phố;

n: Tổng số xã được phân bổ vốn ngân sách thành phố theo Nghị quyết này.

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ:

Giá trị của một (01) điểm phân bổ được xác định theo công thức sau:

$$G = \frac{V_{TP}}{T_{TP}}$$

Trong đó:

G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm);

V_{TP} : Tổng vốn ngân sách thành phố bố trí để phân bổ cho các xã thực hiện Chương trình theo kế hoạch.

d) Xác định mức vốn ngân sách thành phố phân bổ cho từng xã:

Mức vốn ngân sách Thành phố phân bổ cho từng xã i được xác định như sau:

$$V_i = X_i \times G$$

Trong đó:

V_i : Mức vốn ngân sách thành phố phân bổ cho xã i;

X_i : Tổng điểm phân bổ của xã i;

G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn

Ngân sách thành phố bố trí tối thiểu 01% tổng chi ngân sách thành phố giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Chương trình.

Ủy ban nhân dân xã căn cứ danh mục Kế hoạch vốn phân bổ từ ngân sách Thành phố trung hạn 05 năm và hằng năm, có trách nhiệm xây dựng phương án bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố phân bổ, nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác để đảm bảo thực hiện hoàn thành các tiêu chí, nhiệm vụ, chỉ tiêu của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trình Hội đồng

nhân dân cấp xã quyết định làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định, không để xảy ra nợ đọng.

Điều 6. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã

1. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách xã:

a) Các xã được hỗ trợ vốn từ ngân sách thành phố thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách xã giai đoạn 5 năm, cân đối vốn ngân sách xã hằng năm không thấp hơn mức vốn đối ứng tối thiểu để thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời huy động các nguồn lực khác để thực hiện các nội dung Chương trình đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khi xã đồng thời đáp ứng nhiều trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì được áp dụng mức vốn đối ứng tối thiểu theo tỷ lệ thấp nhất.

2. Tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách xã:

a) Đối với các xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã từ 50% đến dưới 70%: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu ngân sách xã là 70%;

b) Đối với các xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố/tổng chi cân đối ngân sách xã từ 70% trở lên: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu ngân sách xã là 50%;

c) Đối với các xã có tỷ lệ số hộ cận nghèo/số nhân khẩu từ 1% đến 2%: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu ngân sách xã là 40%;

d) Đối với các xã có tỷ lệ số hộ cận nghèo/số nhân khẩu từ 2% trở lên: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu ngân sách xã là 30%;

đ) Đối với các xã có thôn đặc biệt khó khăn, thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số, thôn thuộc vùng miền núi: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu ngân sách xã là 10%.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện theo quy định;

b) Thực hiện phân bổ vốn bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo với các cơ chế, chính sách và chương trình khác của Trung ương và Thành phố; tránh bố trí vốn dàn trải, phân tán hoặc cùng một nhiệm vụ được hỗ trợ từ nhiều chương trình, nhiều nguồn vốn khác nhau; đảm bảo tính công khai, rõ ràng, minh bạch, sát với thực tế của các xã đang trong thời kỳ ổn định ngân sách;

c) Căn cứ kết quả, tình hình thực hiện của Chương trình giai đoạn 2026-2030 và nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031-2035, Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động rà soát, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Thành phố và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã thực

hiện Chương trình giai đoạn 2031-2035, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

d) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận: Sau

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT; Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT.



Phùng Thị Hồng Hà